

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 254/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 14-9-2020

V/v tranh chấp “Ly hôn và nuôi
con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tạo.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hồ Quang Minh;

Ông Nguyễn Trường Hận.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Thêu - là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 14 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 487/2020/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2020 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 271/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Lý Kiều T**, sinh năm 1984 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Khóm 6, phường 1, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Bà **Lâm Thị M**, sinh năm 1988 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Đ, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 29 tháng 6 năm 2020 và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ thể hiện, nguyên đơn ông Lý Kiều T trình bày yêu cầu:

- Về hôn nhân: Qua thời gian quen biết, tìm hiểu nhau nên ông Lý Kiều T và bà Lâm Thị M kết hôn với nhau từ năm 2013, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 1, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau. Khi mới kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc nhưng đến năm 2015 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm trong cuộc sống vợ chồng nên

vợ chồng thường xuyên cự cãi với nhau, hiện tại ông T và bà M đã sống ly thân từ năm 2015 cho đến nay, trong thời gian sống ly thân vợ chồng cũng không gặp nhau để giải quyết mâu thuẫn. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng không thể khắc phục được, hôn nhân không còn hạnh phúc nên ông T yêu cầu ly hôn với bà M.

- Về con chung: Có 01 người con tên Lý Lâm M, sinh ngày 28/12/2014 (nam), hiện đang sống chung với ông T. Khi ly hôn ông T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng và chăm sóc con tên Lý Lâm M, sinh ngày 28/12/2014 (nam).

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận với nhau nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ thu và nợ trả: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại đơn xin vắng mặt không tham gia phiên tòa đề ngày 29 tháng 6 năm 2020 của bị đơn bà Lâm Thị M có trình bày:

- Về hôn nhân: Bà M tự nguyện đồng ý ly hôn với ông Lý Kiều T.

- Về con chung: Vợ chồng chung sống với nhau có 01 người con tên Lý Lâm M, sinh ngày 28/12/2014 (nam), hiện đang sống chung với ông T. Khi ly hôn bà M đồng ý giao con tên Lý Lâm M, sinh ngày 28/12/2014 (nam) cho ông T được tiếp tục nuôi dưỡng và chăm sóc.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận với nhau nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ thu và nợ trả: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt nên không có ý kiến khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn ông Lý Kiều T và bị đơn bà Lâm Thị M có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, yêu cầu của đương sự phù hợp với khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp nhận.

Về nội dung vụ án:

[1] Về hôn nhân: Ông Lý Kiều T và bà Lâm Thị M có thời gian quen biết và tìm hiểu nhau nên kết hôn với nhau từ năm 2013, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân

phường 1, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 116 ngày 26 tháng 12 năm 2013. Vì vậy, quan hệ hôn nhân của ông T và bà M được pháp luật công nhận là vợ chồng kể từ thời điểm đăng ký.

Xét thấy, ông T xin ly hôn là vì trong quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là bất đồng quan điểm trong cuộc sống vợ chồng nên vợ chồng thường xuyên cự cãi với nhau, hiện tại ông T và bà M đã sống ly thân từ năm 2015 cho đến nay, trong thời gian sống ly thân vợ chồng cũng không gặp nhau để giải quyết mâu thuẫn. Bà M có đơn xin xét xử vắng mặt, tuy nhiên, Tòa án muốn hòa giải để hàn gắn hôn nhân cho ông T và bà M nhưng bà M đã được Tòa án thông báo hòa giải hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt, từ đó cho thấy bà M cũng không mong muốn hàn gắn quan hệ hôn nhân giữa bà M với ông T. Mặt khác, tại đơn xin vắng mặt không tham gia phiên tòa của bà M có trình bày ký kiến đối với yêu cầu của ông T về hôn nhân thì đồng ý ly hôn với ông T. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa ông T và bà M đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể duy trì, mục đích hôn nhân không đạt được nếu duy trì hôn nhân cũng không đem lại hạnh phúc nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông T. Ông T được ly hôn với bà M theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về nuôi con chung: Vợ chồng có 01 người con tên Lý Lâm M, sinh ngày 28/12/2014 (nam), hiện đang sống chung với ông T, khi ly hôn ông T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc con. Xét thấy, từ khi ông T và bà M sống ly thân cho đến nay thì cháu M vẫn sống chung với ông T, cuộc sống của cháu đã được ổn định và bà M cũng đồng ý giao con chung cho ông T tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc con cho nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông T, giao con tên Lý Lâm M, sinh ngày 28/12/2014 (nam) cho ông T được tiếp tục nuôi dưỡng và chăm sóc.

Bà M không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con mà không ai được cản trở. Tuy nhiên, lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó, theo quy định tại khoản 3 Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con, chia tài sản chung và công nợ: Căn cứ vào Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự “*Tòa án chỉ thụ lý giải quyết vụ việc dân sự khi có*

đơn khởi kiện, đơn yêu cầu của đương sự và chỉ giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện, đơn yêu cầu đó”, do đương sự không đặt ra yêu cầu nên không xem xét.

[4] Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không giá ngạch 300.000 đồng, người khởi kiện yêu cầu ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án có chấp nhận hay không chấp nhận cho ly hôn đều phải chịu án phí nên ông T phải chịu nộp 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã dự nộp.

[5] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Lý Kiều T. Ông Lý Kiều T được ly hôn với bà Lâm Thị M.

2. Về nuôi con chung: Giao cho ông Lý Kiều T nuôi dưỡng và chăm sóc con tên Lý Lâm M, sinh ngày 28/12/2014 (nam).

Bà M không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con, chia tài sản chung và công nợ: Đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

4. Về án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch 300.000 đồng, ông T phải chịu nộp án phí 300.000 đồng, ông T có nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003937 ngày 29

tháng 6 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời được chuyển thu, không phải nộp tiếp.

“Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự”.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; vắng mặt tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS H.Trần Văn Thời;
- UBND Phường 1, TP Cà Mau;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Văn phòng Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Tạo